

Số: *2784* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *09* tháng *9* năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính

lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *sm*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUB tỉnh: đ/c Tôn;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.9.2020 *sm*



Vũ Hồng Bắc

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH THÁI NGUYÊN
Ban hành kèm theo Quyết định số. 1784/QĐ-UBND
 ngày 09 tháng 09 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

A. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I.	Thủ tục hành chính áp dụng giải quyết tại cấp huyện				
1.1	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước				
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện - Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND huyện, thành phố, thị xã	Không thu phí đến 01/01/2022* (Theo quy định tại khoản 2, Điều 36 Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019: Kể từ ngày Luật này có hiệu lực đến ngày 01 tháng 01 năm 2022, việc cấp phép sản xuất	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của

* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý
				<p>Quy định thu công quyền tại khoản 2 Điều 15 của Luật này và điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia;</p>	<p>Chỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia;</p>
2	<p>Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh</p>	<p>- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>- Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:</p>	<p>- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</p> <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện</p> <p>- Cơ quan thực hiện TTHC:</p> <p>Phòng Kinh tế; Phòng</p>	<p>Không thu phí đến 01/01/2022* (Theo quy định tại khoản 2, Điều 36 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực đến ngày 01</p>	<p>- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019.</p> <p>Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.</p>

* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bỏ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	<p>Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh</p>	<p>Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Kinh tế và Hà tăng thuộc UBND huyện, thành phố, thị xã</p>	<p>tháng 01 năm 2022, việc cấp phép sản xuất rượu thủ công quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật này và việc đăng ký sản xuất rượu thủ công quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật này không phải nộp phí, lệ phí.)</p>	<p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia;</p>
	<p>Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh</p>	<p>Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quyết TTHC: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện</p>	<p>Không thu phí đến 01/01/2022* (Theo quy định tại khoản 2, Điều 36 Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019.</p>	<p>- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			<p>TTHC: Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND huyện, thành phố, thị xã.</p>	<p><i>2019: Kể từ ngày Luật này có hiệu lực đến ngày 01 tháng 01 năm 2022, việc cấp phép sản xuất rượu thủ công quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật này và việc đăng ký sản xuất rượu thủ công quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật này không phải nộp phí, lệ phí.)</i></p>	<p>rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia;</p>

* Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

B. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ
I	Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	
1.1	Lĩnh vực An toàn thực phẩm	
1	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.